

Bản án số: 41/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 27/8/2019.

“*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Lâm Bé Nhi**

- **Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông Lưu Quốc Khánh**

2/ Bà Nguyễn Thị Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Phan Tú Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:** Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị N** – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Chí M** – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Trương Thị N và anh Huỳnh Chí M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị N có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 chị với anh Huỳnh Chí M có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N2 vào ngày 04/4/2008. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Chí M;

Về quan hệ con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống chị và anh M có 02 người con chung là cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 21/4/2005 và cháu Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 07/6/2007. Hiện tại hai cháu đang sống chung với anh M. Nay chị N giao hết hai con cho anh M nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Chí M: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với anh Huỳnh Chí M nhưng anh M không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh M. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định pháp luật do anh M không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, anh M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh M có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 21/4/2005 và cháu Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 07/6/2007 cho anh Huỳnh Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Chí M và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Huỳnh Chí M có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết.

[3] Nguyên đơn chị Trương Thị N mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N. Riêng bị đơn anh Huỳnh Chí M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Chí M.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Huỳnh Chí M có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự M, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 04/4/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị N xác định giữa chị và anh M có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 07 năm nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh M, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Chí M. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của anh M nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh đối với ông Huỳnh Văn H, trưởng ấp N, bà Đặng Thị B, cán bộ phụ nữ ấp N. Theo đó, ông H, bà B xác định giữa chị N và anh M có phát sinh mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân với nhau khoảng 07 năm nay không còn qua lại gì với nhau. Xét thấy, hôn nhân gia đình được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ nhưng 07 năm nay vợ chồng anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau. Từ đó cho thấy cuộc hôn nhân của chị N và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị N được ly hôn anh Huỳnh Chí M.

[5] Về quan hệ con chung: chị N xác định giữa chị và anh Huỳnh Chí M có 02 người con chung là cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 21/4/2005 và cháu Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 07/6/2007, hiện hai cháu đang sống chung với anh M. Chị N xác định chị đồng ý giao hai cháu cho anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy cháu B và cháu T đã trên 07 tuổi khi giải quyết phải xem xét đến nguyện vọng của hai cháu

nhưng do hiện nay cháu B và cháu T đang sống với anh M và cả anh M, cháu B, cháu T đều không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được nguyện vọng của hai cháu. Tuy nhiên do cả hai cháu đã sống ổn định với anh M đã lâu vì vậy, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 21/4/2005 và cháu Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 07/6/2007 cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trương Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Chí M.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 21/4/2005 và cháu Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 07/6/2007 cho anh Huỳnh Chí M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu con nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002593 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm

sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC.THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã N2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi